

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Quán triệt chủ trương, yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, của Bộ Chính trị tại Kết luận số 219-KL/TW trong tình hình mới, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 85/NQ-CP; Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 21/02/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn tỉnh Bình Định (trước sáp nhập), Chương trình số 51-CTr/TU ngày 18/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (trước sáp nhập).

- Nâng cao nhận thức, phát huy trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với vai trò nền tảng quan trọng, vị trí chiến lược lâu dài của nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đưa đất nước vào kỷ nguyên “Vươn mình, thịnh vượng, giàu mạnh của dân tộc”. Tạo chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của

Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương trong phát triển nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị, bảo đảm đồng bộ với vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh.

- Xác định nhiệm vụ cụ thể của sở, ngành, hội, đoàn thể và địa phương trong tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát và cụ thể hóa các chủ trương, nội dung, nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030 tại Kết luận số 219-KL/TW bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, hiệu quả và hoàn thành đúng tiến độ đề ra. Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đồng thời phát triển nông nghiệp của tỉnh theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng cao, hiệu quả, bền vững, có sức cạnh tranh cao. Đảm bảo vững chắc an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh, giá trị xuất khẩu nông sản duy trì đà tăng trưởng cao. Nông dân là chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc và bền vững. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường; hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh gắn với thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh Gia Lai sau sắp xếp đơn vị hành chính; bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các địa phương bám sát mục đích, yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 26/NQ-CP, Nghị quyết số 85/NQ-CP; Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 23/3/2026 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 30/03/2026 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; đề tập trung triển khai, thực hiện có hiệu quả gắn với triển khai đầy đủ, toàn diện, đồng bộ những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Tổ chức triển khai, thực hiện mục tiêu cụ thể tại Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 09/9/2023 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chương trình hành động số 18-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn tỉnh Bình Định (trước sáp nhập); Kế hoạch số 994/KH-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chương trình số 51-CTr/TU về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030,

tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (trước sáp nhập), trong đó cập nhật, bổ sung các mục tiêu cụ thể trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 như sau:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm địa phương của ngành nông nghiệp bình quân hàng năm tăng từ 3,8 - 4,0%.
- Tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm, thủy sản đạt bình quân từ 9,8 - 10,2%/năm.
- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 46,51%; diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 30.000 ha.
- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt 35%.
- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 15%/năm.
- Thu nhập của cư dân nông thôn cao hơn 2,5 - 3,0 lần so với năm 2020.
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1,25%/năm.
- Phấn đấu trên 67,5% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn; duy trì 99,8% hộ gia đình nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.
- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 40%; tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 70%.
- Toàn tỉnh có ít nhất 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 80%.

(Chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục I kèm theo)

2. Đổi mới công tác truyền thông, thống nhất nhận thức, hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu, rộng trong toàn xã hội về vị trí, vai trò và đóng góp quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bảo vệ tài nguyên và môi trường trong tiến trình thúc đẩy tăng trưởng "2 con số", đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới. Đổi mới phương thức truyền thông thông qua các phương tiện truyền thông, các hội nghị, hội thảo và các hình thức khác nhằm thay đổi tư duy của cả hệ thống chính trị về chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

- Cập nhật, bổ sung các mục tiêu, định hướng và giải pháp trong bối cảnh mới đã đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 219-KL/TW và Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030¹ và các chủ

¹ Ban hành theo Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định (trước sáp nhập) và Kế hoạch số 638/KH-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Gia Lai (trước sáp nhập).

trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tài nguyên và môi trường cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các địa phương, các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trong các chương trình tuyên truyền, học tập, quán triệt.

- Tích cực phổ biến, tuyên truyền các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, nông dân, nông thôn tiêu biểu; khắc phục tình trạng thông tin không chính xác ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng và các tổ chức sản xuất kinh doanh.

3. Rà soát, hoàn thiện đầy đủ các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường², tạo động lực mới cho phát triển. Phân định rõ vai trò của chính quyền địa phương các cấp trong tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tăng cường phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn, gắn với hoàn thiện thể chế, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và nâng cao trách nhiệm, tính chủ động của chính quyền địa phương.

- Rà soát toàn diện, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường bảo đảm sự thông nhất, đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức các cơ quan sau sáp nhập, hợp nhất, đặc biệt là mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện, tháo gỡ các điểm nghẽn (nhất là về vốn, đất đai, công nghệ), chòng chéo của hệ thống chính sách pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong các lĩnh vực.

- Sửa đổi, bổ sung, đề xuất, triển khai các cơ chế, chính sách về thuế, bảo hiểm nông nghiệp, đất đai, đầu tư... nhằm khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi tối đa cho hợp tác xã, doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, đầu tư kho bãi và hệ thống logistics để tránh đứt gãy chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản. Có chính sách hỗ trợ bảo đảm cho người dân, doanh nghiệp yên tâm sản xuất kinh doanh trong trường hợp thị trường biến động.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp tuần hoàn, hỗ trợ các dự án xanh, thúc đẩy chuyển đổi xanh và đầu tư vào các ngành kinh tế thân thiện với môi trường.

²Quản lý, bảo vệ 100% diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng hiện có. Thực hiện quyết liệt các biện pháp bảo vệ rừng và PCCCR, hạn chế tối đa tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật và mua bán, vận chuyển, tàng trữ, chế biến lâm sản, động vật hoang dã trái pháp luật, chống người thi hành công vụ; lập hồ sơ xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; chú trọng công tác phát triển rừng, cải tạo rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, phục hồi rừng; đẩy mạnh công tác trồng rừng sau khai thác rừng trồng, trồng rừng mới trên đất trống, đồi núi chưa có rừng; kiểm soát chặt chẽ, hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, nhất là đối với rừng tự nhiên; tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại tài nguyên rừng; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật để nâng cao nhận thức của các tầng lớp xã hội, góp phần phát triển lâm nghiệp bền vững.

Phát triển hạ tầng thu gom, phân loại, xử lý, tái chế chất thải gắn với kinh tế tuần hoàn, bảo tồn đa dạng sinh học; tham gia hiệu quả thị trường carbon; phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường theo định hướng phân vùng. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch bảo vệ môi trường, Kế hoạch quản lý chất thải rắn, Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí,... Phân đầu thực hiện đạt mục tiêu đề ra về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý đảm bảo. Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học. Thành lập mới và nâng mức độ bảo tồn đối với các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư mạnh mẽ vào nông nghiệp và môi trường, thúc đẩy quá trình “xuất khẩu ngành nông nghiệp” để nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng, uy tín và vị thế của đất nước.

- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; thử nghiệm, thí điểm các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, vượt trội.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và tài nguyên, môi trường; phân cấp, phân quyền tối đa cho các cấp và phân bổ nguồn lực gắn với trách nhiệm giải trình, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường kiểm tra, giám sát; tăng cường tính chủ động, tự chủ, kiến tạo phát triển của địa phương trong chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền; ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

4. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông lâm nghiệp và thủy sản.

- Cơ cấu lại các tiểu ngành, lĩnh vực và trong từng ngành thực chất, hiệu quả, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng thông qua tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao hiệu quả từ nông sản có giá trị thấp sang nông sản có giá trị cao, chuyển đổi những vùng lúa năng suất thấp, một vụ sang sản xuất cây trồng hoặc vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn; chú trọng xây dựng những vùng nguyên liệu lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát thải thấp cho những sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm gắn với môi trường bền vững; thực hiện tích hợp đa giá trị theo hướng giữ vững an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, khai thác và chế biến theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển các hình thức hợp tác mới trong nông nghiệp.

- Tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi... đáp ứng yêu cầu thị trường; thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực, thực phẩm theo hướng “xanh”, ít phát thải và bền vững thông qua việc thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh nuôi biển và khai thác hải sản bền vững; tập trung giải quyết dứt điểm khuyến nghị của EC để gỡ

“Thẻ vàng”, ngăn chặn và xử lý nghiêm túc cá khai thác trái phép ở ngoài vùng biển Việt Nam.

- Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã nông nghiệp tham gia phát triển vùng nguyên liệu nông sản tập trung.

- Triển khai đồng bộ, kịp thời có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Quyết tâm khắc phục điểm nghẽn pháp chế của ngành, cắt giảm triệt để các điều kiện, thủ tục hành chính để thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp của ngành theo hướng tinh gọn, hiệu quả và tự chủ thực chất; nâng cao năng lực cạnh tranh, có khả năng kết nối với doanh nghiệp. Tập trung đào tạo, phát triển và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng dụng lực lượng làm nghiên cứu khoa học công nghệ trong khối tư nhân, các nhà khoa học Việt Nam tại nước ngoài và chuyên gia quốc tế, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh. Thay đổi cách thức đặt hàng, giao nhiệm vụ xuất phát từ thực tiễn, phục vụ sản xuất, thương mại hóa và quản lý nhà nước, trong đó coi trọng, ưu tiên các lĩnh vực có khả năng đột phá mạnh như công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, công nghệ viễn thám, thăm dò địa chất, khoáng sản... Thực hiện chuyển đổi số toàn diện và thực chất; coi trọng xây dựng các nền tảng quản trị dữ liệu dùng chung, dữ liệu lớn, đồng bộ về đất đai, tài nguyên nước, rừng, khí tượng thủy văn và đa dạng sinh học, bản đồ số chuyên ngành trong đó có cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia trên đất liền, vùng biển và hải đảo Việt Nam và các hệ thống dự báo, cảnh báo thông minh.

- Tăng cường hoạt động giám sát, cảnh báo sớm về nguy cơ đối với môi trường nuôi, trồng, dịch bệnh, cháy rừng; chủ động triển khai các biện pháp ngăn ngừa, phản ứng nhanh, kịp thời xử lý dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và phòng chống cháy rừng.

- Hỗ trợ kết nối, thúc đẩy chế biến, tiêu thụ trong nước, dự báo và phối hợp với các địa phương xây dựng phương án hỗ trợ tiêu thụ kịp thời nông sản chính vụ; đẩy mạnh tiêu thụ nông sản trong các hệ thống, chuỗi siêu thị lớn; tổ chức các hội nghị hỗ trợ kết nối tiêu thụ nông sản. Phối hợp đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu, đặc biệt với các ngành hàng chủ lực, các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của địa phương. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, đưa sản phẩm thương hiệu tỉnh Gia Lai vào hệ thống phân phối quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ quốc tế, tận dụng EVFTA, CPTPP để xuất khẩu nông sản có chứng nhận (GlobalGAP, hữu cơ...); hỗ trợ kết nối cung - cầu nông sản (đặc biệt OCOP và sản phẩm chủ lực) trên các sàn thương mại điện tử.

5. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống của nông dân và cư dân nông thôn.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị.

Đào tạo nguồn nhân lực phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa thực chất, hiệu quả, bền vững, đi vào chiều sâu, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

6. Phát triển nông thôn theo hướng hiện đại, thông minh, gắn với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa; chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Thực hiện hài hòa giữa phát triển kinh tế - phát triển văn hóa, xã hội - bảo vệ môi trường sinh thái, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư hạ tầng - nâng cao chất lượng đời sống - giữ gìn bản sắc văn hóa. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới, nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản cho người dân. Phát triển toàn diện khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư, nhất là vùng dân tộc thiểu số và miền núi so với vùng khác; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; các mô hình phân bố dân cư phù hợp với từng vùng sinh thái tự nhiên và đặc điểm văn hóa, dân tộc, phù hợp với đặc thù của từng vùng, miền. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

- Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực và quản trị hợp tác xã theo hướng chuyên nghiệp, số hóa. Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã và chuỗi giá trị nông sản, làm cơ sở tích hợp điều hành, giám sát chính sách. Tăng cường phối hợp giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, ngân hàng và doanh nghiệp bảo hiểm nông nghiệp nhằm tăng khả năng tiếp cận tín dụng, tài chính và bảo hiểm nông nghiệp; đầu tư phát triển hạ tầng vùng nguyên liệu, các trung tâm đổi mới sáng tạo, logistics, kho bảo quản, cơ sở chế biến quy mô phù hợp.

7. Tiếp tục hoàn thiện và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tài nguyên, môi trường đồng bộ, hiện đại. Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, huy động mọi nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư.

- Phát triển thủy lợi đa mục tiêu; xây dựng nâng cấp sửa chữa công trình đề điều, phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ quản lý và sử dụng nước hiệu quả; quản trị tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số thông qua các hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa phân phối, hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát an ninh nguồn nước quốc gia. Phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu, đầu tư cơ sở hạ tầng trên bờ, nuôi biển. Đầu tư xây dựng hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng. Phát triển hạ tầng phục vụ chuỗi cung ứng lạnh, bảo quản, chế biến.

- Tăng cường đầu tư hệ thống điều tra cơ bản, giám sát, quan trắc tài nguyên đất, nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn, biển và hải đảo; phát triển cơ sở dữ liệu tài nguyên đồng bộ, thống nhất, phục vụ chuyển đổi số quốc gia; chú trọng hạ tầng kỹ thuật để quản lý, giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Tổng hợp các nguồn lực tài nguyên, đặc biệt là đất đai và rừng, biển, nước... thành giá trị vật chất, hạ tầng và tài chính cho phát triển ngành, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng cả nước 2 con số giai đoạn 2026 - 2030 và các năm tiếp theo.

- Tập trung đầu tư các công trình, dự án có tính chất phòng ngừa, kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường liên vùng, liên tỉnh; ưu tiên các dự án đầu tư hạ tầng phân tích, xử lý dữ liệu, mô hình hóa phục vụ cảnh báo và dự báo chất lượng môi trường, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia; tăng cường hạ tầng quan trắc, viễn thám, cảnh báo môi trường; đầu tư các trung tâm ứng cứu, xử lý sự cố môi trường trọng điểm.

8. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) giai đoạn 2026 - 2035; đẩy mạnh thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu hướng tới mục tiêu đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, các kế hoạch hành động quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất, nước, khoáng sản, theo nguyên tắc thị trường. Đẩy nhanh hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách bảo đảm đồng bộ, minh bạch các yếu tố thị trường để có khả năng vốn hóa các nguồn lực tài nguyên, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả. Phát triển thị trường, đẩy mạnh thương mại hóa quyền sử dụng đất, tăng cường đăng ký quyền sử dụng đất và áp dụng định giá đất theo thị trường bảo đảm công khai, minh bạch.

- Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; tăng cường tích nước, điều tiết, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

Quản lý, vận hành kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu gắn với chuyển đổi số, vận hành thông minh để khai thác tối đa hiệu quả của các công trình thủy lợi.

- Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường, môi trường chiến lược. Cải thiện rõ rệt tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, các cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông, khu vực nông thôn.

- Phục hồi rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, các hệ sinh thái sông, hồ, nguồn nước ngầm; kiểm soát ô nhiễm. Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm lâm nghiệp. Ưu tiên đầu tư vào các chương trình phục hồi rừng ngập mặn, rừng đầu nguồn, đất ngập nước. Phát triển “hạ tầng xanh”, “hệ sinh thái tự nhiên chống chịu” với thiên tai. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt tại vùng đồng bằng và ven biển. Xử lý dứt điểm các điểm nóng ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, làng nghề, các dòng sông; ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm mới, cải thiện chất lượng môi trường sống của người dân.

- Tích hợp các tiêu chuẩn môi trường vào quy hoạch và phát triển bền vững: Đồng bộ hóa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch tài nguyên - môi trường. Áp dụng cơ chế “Người gây ô nhiễm phải trả tiền” và “Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)”.

(Nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước; nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia; vốn ODA, vốn vay ưu đãi; vốn tín dụng; nguồn vốn xã hội hóa, hợp tác công tư (PPP), doanh nghiệp, hợp tác xã và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động này và tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục kèm theo; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kế hoạch thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng năm (*hoặc đột xuất*) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2. UBND cấp xã xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp điều kiện địa phương; tổ chức triển khai, theo dõi, cập nhật dữ liệu thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; kịp thời báo cáo và kiến nghị với cấp có thẩm quyền các biện pháp cần thiết để xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có), bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh tăng cường vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện và giám sát, phản biện xã hội việc thực hiện Kế hoạch này.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch này, các sở, ngành, địa phương gửi đề xuất, kiến nghị về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành; hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, N2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp